

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ HOÀN CHỈNH ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(tiếp theo số 1-2006)

PGS LÊ THẾ LẠNG *

3. Phát triển và hoàn chỉnh đường lối (1930 - 1975)

HNTƯ tháng 10-1930 họp ở Hồng Công do đồng chí Trần Phú chủ trì đã thông qua Luận cương về cách mạng tư sản dân quyền. Ưu điểm cơ bản của văn kiện này là cụ thể hoá những vấn đề chiến lược nêu trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng. Luận cương cũng đứng trên quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin để xác định: Đông Dương phải làm cách mạng tư sản dân quyền để giải phóng dân tộc (GPDT) tiến thẳng lên CNXH không qua CNTB. Luận cương vẫn nêu hai nhiệm vụ cơ bản của cách mạng là chống đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập và dân chủ. Nhưng vì quá nhấn mạnh quan điểm giai cấp và đấu tranh giai cấp, chưa thấy hết tầm quan trọng của vấn đề dân tộc nên tư tưởng chỉ đạo chiến lược có chỗ Luận cương đặt đấu tranh chống giai cấp phong kiến lên trước đấu tranh đế quốc: "...thời kì bây giờ cách mạng chỉ có tánh chất thổ địa và phản đế"; "Sự cốt yếu của tư sản dân quyền cách mạng thì một mặt là phải đấu tranh để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các ách bóc lột theo lối tiền tư bản và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để, một mặt nữa là đấu tranh để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập"¹. (Trong lúc đó Đại hội VI QTCS vẫn đặt nhiệm

vụ phản đế lên trên nhiệm vụ phản phong kiến trong cách mạng thuộc địa). Án nghị quyết Hội nghị tháng 10 - 1930, dựa trên Nghị quyết Đại hội VI của QTCS đánh giá các giai cấp ở các nước thuộc địa, nên cho rằng việc chia giai cấp địa chủ ra ba hạng là sai lầm và nguy hiểm; việc lợi dụng hoặc trung lập giai cấp tư sản là bỏ đầu tranh giai cấp; phú nông cũng là tầng lớp mau chuyển sang phe phản cách mạng; lấy tên là ĐCS Việt Nam không phải ĐCS Đông Dương cũng là sai lầm. Những sai lầm đó chứng tỏ chỉ lo việc phản đế mà quên mất lợi ích giai cấp đấu tranh nên rất nguy hiểm. Vì vậy, phải thủ tiêu Chính cương, Sách lược và Điều lệ vắn tắt của Đảng, bỏ tên ĐCS Việt Nam, lấy tên ĐCS Đông Dương.

Cương lĩnh cách mạng đầu tiên vẫn tiếp tục bị phê phán cả những năm sau đó, đã bị coi là trái với học thuyết Lênin, với đường lối chính trị của QTCS, còn mang nặng những tàn tích của chủ nghĩa quốc gia và chủ nghĩa sôvanh.

Báo cáo gửi QTCS ngày 31-3-1935 của Ban chỉ huy ở ngoài viết: "Ở Xiêm và Đông Dương, các tổ chức cộng sản đã tiến hành một cuộc đấu tranh công khai chống lại những tàn dư của tư tưởng dân tộc cách mạng pha trộn với chủ nghĩa cải lương, chủ nghĩa duy tâm của Đảng của các đồng chí Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, những tàn dư ấy rất mạnh và tạo thành một

* Học viện Báo chí và tuyên truyền.

chương ngại nghiêm trọng cho sự phát triển chủ nghĩa cộng sản. Cuộc đấu tranh không nhân nhượng chống những học thuyết cơ hội này của đồng chí Quốc và của Đảng Thanh niên là rất cần thiết. Hai Đảng Cộng sản Xiêm và Đông Dương đã viết một quyền sách chống những khuynh hướng này. Chúng tôi đề nghị đồng chí Lin (tức Nguyễn Ái Quốc - TG) viết một quyền sách đề tự phê bình những khuyết điểm đã qua¹². Đó là những phê phán gay gắt nhất trong Đảng về quan điểm, đường lối.

Nhưng cần phải hiểu những biểu hiện trên với ba phương diện:

Một là, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt trong Đảng lúc bấy giờ đều là những người hăng hái cách mạng và đem hết tâm lực để chiến đấu trong cao trào 1930 - 1931, sau đó là khôi phục lại Đảng, khôi phục lại phong trào quần chúng. Một lòng trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc. Tuy được đào tạo có hệ thống lý luận Mác - Lênin, nhưng rèn luyện thực tiễn chưa nhiều nên không tránh được "bệnh ấu trĩ "tả" khuynh" như Lênin đã cảnh báo. Vì tiếp thu lý luận giai cấp và đấu tranh giai cấp một chiều nên không thấy hết tầm quan trọng của vấn đề dân tộc ở các nước thuộc địa, nhất là thực tiễn đất nước ta, nên một số quan điểm "tả" khuynh của Đại hội VI QTCS đã được thừa nhận dễ dàng. Vì vậy chưa thấy hết giá trị quan điểm kết hợp vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp thể hiện trong Cương lĩnh đầu tiên của Hội nghị thành lập Đảng. Tuy hạn chế về nhận thức nhưng chú trọng trước mắt của họ đã đem đến hiệu quả quan trọng của cách mạng trong giai đoạn lịch sử ấy. Về sau, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu tấm gương sáng của những người này để ca ngợi.

Hai là, dù Cương lĩnh đầu tiên bị phủ định nhưng nó vẫn còn "rất mạnh và tạo thành một chương ngại nghiêm trọng" cho những người phê phán nó. Điều đó còn chứng tỏ rằng những quan điểm của Cương lĩnh đầu tiên mang giá trị chân lý nên ảnh hưởng sâu sắc trong Đảng và phong trào cách mạng, làm cho

những người không tán thành phải đối phó bằng cả biện pháp mạnh về tư tưởng và tổ chức, nhưng vẫn cảm thấy khó thành công.

Ba là, điều đáng mừng hơn cả là bấy giờ đã không diễn ra một cuộc xung đột, đối đầu về tư tưởng, quan điểm chung quanh đường lối. Những người cộng sản Việt Nam dù khác nhau một số vấn đề quan điểm tư tưởng nhưng đã biết dừng lại ở mức độ nhất định trước khi dẫn đến nguy cơ chia rẽ, bè phái trong Đảng như thường thấy ở những ĐCS khác. Đây là vấn đề đặc biệt của Đảng ta, cần tìm hiểu kỹ hơn.

Đại hội VII QTCS (7-1935) đã khắc phục những quan điểm "tả" khuynh của Đại hội VI và chủ trương thành lập mặt trận phản đế ở các nước thuộc địa. Từ đó, tình hình nước Pháp có thay đổi tiến bộ, chính sách cai trị ở Đông Dương có những biểu hiện nới rộng hơn và từ kinh nghiệm thực tiễn đấu tranh tích lũy được, nhận thức của Trung ương Đảng bắt đầu có chuyển biến tích cực. Chi thị của Trung ương "Gửi các tổ chức của Đảng" ngày 26-7-1936 đã thừa nhận: Đảng ta còn non yếu và thiếu kinh nghiệm, cần nhìn lại một số sai lầm để cải tiến công tác, trước hết là không sử dụng những tài liệu trước đây đã không còn thích hợp nữa. Trung ương cho rằng: "...ở một xứ thuộc địa như Đông Dương, trong hoàn cảnh hiện tại, nếu chỉ quan tâm đến sự phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp có thể sẽ nảy sinh những khó khăn để mở rộng phong trào giải phóng dân tộc"¹³. Chi thị còn nêu: Ở các nước thuộc địa như Đông Dương tinh thần dân tộc có ảnh hưởng to lớn đến tất cả các tầng lớp xã hội, những người cách mạng và những người cộng sản phải biết phát huy tinh thần đó trong cuộc đấu tranh chống những kẻ áp bức dân tộc - tức là chống chủ nghĩa đế quốc Pháp. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản dân tộc với giai cấp tư sản chính quốc ngày càng trầm trọng hơn, ĐCS cần lợi dụng tất cả những mâu thuẫn trong phe đế quốc, giữa giai cấp tư sản dân tộc và giai cấp tư sản chính quốc để tập hợp

tất cả các lực lượng cách mạng tiến hành cuộc đấu tranh chung chống đế quốc Pháp - kẻ thù của nhân dân Đông Dương.

BCH TƯ đã công nhận rằng chúng ta chưa có một mặt trận dân tộc phản đế rộng lớn là sự yếu kém đáng kể trong công tác chính trị của Đảng. Mặt trận dân tộc phản đế phải được thành lập nhằm tập hợp tất cả các đảng phái, tất cả các tầng lớp quần chúng đấu tranh đòi những yêu sách tối thiểu.

Đến tháng 10-1936, trong "Chung quanh vấn đề chiến sách mới" những quan điểm này thể hiện rõ nét hơn. Đó là nhiệm vụ cách mạng tư sản dân quyền ở Đông Dương là đuổi đế quốc Pháp ra khỏi xứ, tẩy sạch tàn tích phong kiến. Đông Dương hoàn toàn độc lập. Chủ trương ấy không bao giờ thay đổi. Chiến sách của Đảng là nhận rõ kẻ địch nguy hiểm nhất, nhất định phải tập trung ngọn lửa vào đó mà đánh. Trung ương chỉ rõ: đứng về phương diện dân tộc bị áp bức, phương diện giai cấp bị bóc lột, ai cũng nhận đế quốc Pháp là kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương.

Mặc dù nhiệm vụ chống phong kiến xác định chưa rõ trong quan hệ chống đế quốc và chưa có ý kiến về ba hạng địa chủ, nhưng Văn kiện cũng đã nêu: muốn tăng thêm lực lượng chống đế quốc cần phải phát triển cuộc cách mạng điền địa.

Như vậy, không phải chờ đến đội ngũ lãnh đạo Đảng về sau, chính những người phê phán Cương lĩnh đầu tiên của Đảng đã bắt đầu tự kiểm điểm và chuyển hướng nhận thức trên một số vấn đề quan trọng, rõ nét nhất là coi nhiệm vụ cách mạng hàng đầu từ chống phong kiến sang chống đế quốc, coi giai cấp tư sản từ là phản cách mạng sang tập hợp trong hàng ngũ cách mạng, không chỉ biết có công nông mà cần tập hợp các đảng phái, các tầng lớp nhân dân trong mặt trận phản đế.

Có chuyên biến như thế là do tác động của tình hình thế giới và trong nước, do động cơ yêu nước trong sáng và tinh thần thực sự cầu thị, nhất là do những kinh nghiệm đã tích lũy được qua thực tiễn

đấu tranh. Nhận định về tiến bộ đó, năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Năm 1936, trong cuộc *Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất* của Đảng, đồng chí Lê Hồng Phong và Hà Huy Tập sửa chữa những sai lầm ấy và định lại chính sách mới, dựa theo những nghị quyết của Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII"¹.

Tiếp đến, đáng kể là HNTƯ 6 (11-1939). Sau khi phân tích những biến động của Chiến tranh thế giới II, chính sách tăng cường bóc lột và đàn áp của thực dân Pháp để phục vụ chiến tranh làm biến đổi đời sống kinh tế và chính trị của các giai cấp ở Đông Dương, Hội nghị cho rằng *cần có những thay đổi phù hợp*:

- *Cách mạng Đông Dương lúc này phải là cách mạng GPDT*, đó là một kiểu của cách mạng tư sản dân quyền. Hai nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến là hai mấu chốt của cách mạng tư sản dân quyền luôn luôn quan hệ khăng khít nhau, là nguyên tắc không bao giờ thay đổi. Nhưng hiện nay "nhiệm vụ chính cốt" là đánh đổ đế quốc. Vấn đề dân tộc thành vấn đề khẩn cấp, phải lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mạng, cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào mục tiêu ấy mà giải quyết.

- *Nhiệm vụ cụ thể* là đánh đổ đế quốc Pháp, vua chúa, tất cả tay sai của bọn đế quốc và bọn phản bội dân tộc, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

- *Lập Chính phủ liên bang Cộng hòa dân chủ Đông Dương* gồm tất cả các tầng lớp trong phong trào GPDT.

- *Tịch thu và quốc hữu hoá* các nhà máy, xí nghiệp, ngân hàng... của đế quốc và bọn phản bội dân tộc giao cho công nhân quản lý. Tịch thu và quốc hữu hoá ruộng đất của đế quốc và bọn phản bội dân tộc cùng với việc lấy đất công và ruộng đất bỏ hoang chia cho nông dân cày cấy. Thực hiện các quyền tự do dân chủ về kinh tế, chính trị, văn hoá.

- *Thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương* để đoàn kết tất cả các dân tộc Đông Dương, tất cả các giai cấp, các đảng phái, các phần tử

phần để muốn đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai, GPDT, thực hiện độc lập hoàn toàn.

Hội nghị nhận định: "Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập"⁵. Sự bóc lột tàn ác của đế quốc Pháp ở Đông Dương sẽ làm cho cuộc cách mạng của các dân tộc Đông Dương nhất định nổ bùng và tiền đề cách mạng giải phóng Đông Dương nhất định sẽ quang minh, rạch ròi.

NQTƯ 6 đã tiến thêm một bước, coi cách mạng Đông Dương lúc này là GPDT, một kiểu của cách mạng tư sản dân quyền. Quan hệ chống đế quốc và chống phong kiến, quan hệ độc lập dân tộc và ruộng đất của nông dân khăng khít nhau; vấn đề chính quyền cách mạng, việc thực hiện các quyền tự do dân chủ cũng có nhận thức mới.

Những nhà lãnh đạo chủ chốt lúc này của Đảng vừa tiếp nối những chuyển biến nhận thức của Trung ương trước đó vừa có bước phát triển thêm phù hợp hoàn cảnh lịch sử mới, đồng thời bắt nhịp cầu tiến tới tiếp thu quan điểm của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc khi Người về nước chủ trì HNTƯ 8 (5-1941). HNTƯ lần này phân tích kỹ tình hình chiến tranh thế giới và biến chuyển ở trong nước đã đi đến nhận định: chính sách cai trị của hai tên đế quốc Pháp - Nhật đã làm cho tất cả dân tộc không thể nào sống được. Quyền lợi tất cả các giai cấp bị cướp giật, vận mệnh dân tộc nguy vong không lúc nào bằng. Nguyên vọng của nhân dân Đông Dương là đánh đuổi Pháp - Nhật, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập, cho nên "Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà

quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được"⁶. Vì vậy Hội nghị cho rằng:

- Đường lối cách mạng Đông Dương lúc này không phải là cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề phân đế và điền địa nữa mà là cuộc cách mạng chỉ giải quyết một vấn đề cần kíp, đó là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng. Cách mạng GPDT không nêu khẩu hiệu đánh đổ giai cấp địa chủ phong kiến chia ruộng đất cho nông dân nhưng không phải vì thế mà Đảng không thực hiện nhiệm vụ ruộng đất. Quyền lợi ruộng đất của nông dân trong cách mạng GPDT được thực hiện bằng việc tịch thu ruộng đất đế quốc và Việt gian chia cho nông dân, chia lại ruộng công, giảm tô, bỏ nhiều thứ thuế và nông dân được hưởng nhiều quyền tự do dân chủ khác cùng với dân tộc. Đó là bước một bước ngắn hơn để có sức mà bước một bước dài hơn. Nên Hội nghị xác định: cách mạng GPDT phải đi đến cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng XHCN.

- Lực lượng cách mạng là toàn thể dân tộc Việt Nam được tập hợp lại trong Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh). Mặt trận chủ trương liên hiệp hết thảy các tầng lớp nhân dân, không phân biệt tôn giáo, đảng phái, xu hướng chính trị, giai cấp, đoàn kết chiến đấu để đánh đuổi Pháp - Nhật, giành quyền độc lập cho xứ sở. Cần phải phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam; tên gọi mặt trận cần có sức "hiệu triệu" hơn nên phải lập Mặt trận Việt Minh riêng của Việt Nam. Đồng thời, phải thi hành đúng chính sách dân tộc tự quyết cho các dân tộc Đông Dương. Văn hoá của mỗi dân tộc, tiếng mẹ đẻ của mỗi dân tộc đều sẽ được tự do phát triển. Tự do độc lập của mỗi dân tộc sẽ được thừa nhận và coi trọng.

- Sau khi thắng lợi, chính quyền mới không lấy tên Xôviết mà lập chính phủ dân chủ cộng hoà; chính quyền mới cũng thành lập riêng từng nước. Ai là người sống trên đất Việt Nam, trừ bọn tay sai đế

quốc, đều được tham gia chính quyền và có nhiệm vụ bảo vệ chính quyền ấy.

- Phương thức giành chính quyền là phải qua con đường vũ trang khởi nghĩa, phải luôn luôn chuẩn bị lực lượng để khi có thời cơ thuận lợi có thể khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa toàn quốc. Vấn đề thời cơ cũng được HNTƯ 8 bàn rất kỹ.

- Cần xây dựng Đảng vững mạnh cả số lượng và chất lượng. Tăng cường bồi dưỡng, huấn luyện cán bộ để đủ năng lực đảm đương công tác lãnh đạo và công tác chuyên môn đáp ứng yêu cầu của phong trào, yêu cầu của khởi nghĩa vũ trang sắp tới.

Đến đây, *đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (CMDTDCND) đã phát triển một bước lớn.* Những quan điểm quan trọng của Cương lĩnh đầu tiên và của Trung ương từ năm 1936 trở đi đã được xác nhận và tiếp tục nâng cao. Về tính chất cách mạng; về vấn đề chống đế quốc và chống phong kiến; vấn đề dân tộc, dân chủ và ruộng đất của nông dân; vấn đề mặt trận, chính quyền; phương pháp giành chính quyền và vai trò lãnh đạo của Đảng; đặc biệt là quan hệ ba nước Đông Dương đều được giải quyết phù hợp với điều kiện lịch sử và khả năng thực hiện.

Nhờ sự nhất quán đó, Đảng ta nhanh chóng thống nhất tư tưởng, tổ chức và hành động, vượt qua những tư tưởng, hành động "tả" khuynh và cả những do dự, chần chừ hữu khuynh, cùng ra sức chuẩn bị lực lượng để giành chính quyền. Toàn dân ta, từ những nhà trí thức, những nhà văn hoá đến công, nông nghèo khổ nhất đều theo tiếng gọi của Việt Minh đứng lên giành độc lập.

Trở về Tổ quốc trực tiếp lãnh đạo Đảng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã *nâng cao đường lối cứu nước GPDT* vốn đã có quá trình thử thách và phát triển. Đó là sự chuẩn bị tất yếu cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.

Sau Cách mạng tháng Tám, đáng lẽ chúng ta hoàn thành cách mạng GPDT, nhưng thực dân Pháp

lại gây chiến tranh xâm lược nước ta lần nữa. Vấn đề đặt ra là cách mạng Việt Nam đang ở trong giai đoạn nào. Chi thị *Kháng chiến kiến quốc* của Trung ương Đảng (25-11-1945) sớm khẳng định: "Cuộc cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là cuộc cách mạng *dân tộc giải phóng*. Cuộc cách mạng ấy đang tiếp diễn, nó chưa hoàn thành, vì nước ta chưa được hoàn toàn độc lập"⁷. Khẩu hiệu vẫn là "dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết". Kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược nên phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng. Đặc điểm lớn nhất hiện nay là Đảng đã lãnh đạo chính quyền xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (DCND) ở vùng tự do, kẻ thù chiếm đóng một phần đất nước, thực hiện chế độ thuộc địa nửa phong kiến, nên phải vừa kháng chiến vừa kiến quốc. Kiến quốc để tăng cường sức mạnh của chế độ DCND trên mọi lĩnh vực: chính trị, quân sự, văn hoá, xã hội... Kháng chiến kiến quốc là phương thức thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (CMDTDCND) trong giai đoạn mới. Muốn kháng chiến phải có đường lối chiến tranh. Khi kháng chiến bùng nổ toàn quốc, Đảng công bố đường lối chiến tranh nhân dân với phương châm chiến lược: toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính. *Chiến lược kháng chiến và chiến lược kiến quốc là hai bộ phận mới hợp thành đã mở rộng cơ cấu đường lối CMDTDCND. Đó là bước phát triển quan trọng và tồn tại đến hoàn thành CMDTDCND.*

Phải đến Đại hội toàn quốc lần thứ II, Đảng mới có điều kiện hoàn thiện đường lối CMDTDCND. Bản Luận cương về cách mạng Việt Nam do đồng chí Trường - Chinh báo cáo đã trình bày một hệ thống toàn diện những vấn đề của CMDTDCND ở Việt Nam. Điểm nổi bật trước hết là lần đầu tiên Đảng nêu một thuật ngữ lý luận mới về cách mạng thuộc địa: Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Thuật ngữ này phản ánh chính xác hai tính chất của cách mạng thuộc địa là dân tộc và dân chủ, trong đó do tầm quan trọng khác nhau nên tính chất dân tộc

phải đặt lên trước tính chất dân chủ. Nhân dân là động lực của cách mạng. Đây là thuật ngữ sát thực tiễn nhất, dù chuẩn xác để thay thế thuật ngữ cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

Luận cương đã trình bày kỹ hệ thống những vấn đề chiến lược và phương pháp cách mạng:

- Nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập; xoá bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ DCND, thông qua nhiều cải biến để tiến lên chế độ XHCN.

- Quan hệ chống đế quốc và phong kiến là phải đánh đổ đế quốc xâm lược, đồng thời đánh đổ phong kiến phản động và tay sai đế quốc vì chúng câu kết nhau để thống trị nhân dân ta. Nhiệm vụ dân tộc và dân chủ khăng khít với nhau. Song lúc này phải tập trung mọi lực lượng để kháng chiến nhằm hoàn thành nhiệm vụ GPDT. Nhiệm vụ dân chủ cũng phải thực hiện nhưng phải phục vụ nhiệm vụ GPDT, phát triển chế độ DCND để tiến tới CNXH.

Đối với giai cấp phong kiến địa chủ, phải tiến hành cải cách ruộng đất và nhiều cuộc cải cách dân chủ khác mà Cách mạng tháng Tám đã bắt đầu. Những cải cách đó có thể và cần phải tiến hành từng phần, phải làm dần dần, có trật tự, có kế hoạch, không thể hoàn thành ngay trong cuộc kháng chiến. Chính sách ruộng đất của Đảng hiện nay là: "...giảm tô, giảm tức, tịch thu ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian, tạm cấp cho dân cày nghèo và gia đình thương binh tử sĩ, chia lại ruộng công cho hợp lí, thu hẹp và xoá bỏ dần dần tàn tích của chế độ nông nô v.v..."⁸, mục tiêu là làm cho nông dân phần khởi tăng gia sản xuất, hăng hái giết giặc.

Đến khi kháng chiến thành công, trọng tâm của cách mạng sẽ chuyển từ nhiệm vụ GPDT sang nhiệm vụ xoá bỏ tàn tích phong kiến. Khẩu hiệu người cày có ruộng trong phạm vi toàn quốc sẽ được đặt ra. "Nhớ rằng giảm tô, giảm tức, tạm cấp ruộng

đất của thực dân Pháp và Việt gian cũng là bắt đầu cải cách ruộng đất một phần nào rồi"⁹.

Đối tượng của cải cách ruộng đất là địa chủ, nhưng địa chủ có khả năng phản đế nhất định nên Đảng chủ trương kéo tiêu và trung địa chủ về phe kháng chiến, đánh đổ đại địa chủ phong kiến phản động. Do đó thừa nhận quyền công dân, quyền sở hữu ruộng đất, quyền được hưởng chế độ công điền của họ. Việc giảm tô, giảm tức cần thực hiện biện pháp hành chính và yêu cầu của quần chúng, nhưng chủ yếu là thuyết phục, giải thích, coi giảm tô, giảm tức là nghĩa vụ đối với kháng chiến. Mặt khác vận động họ hiến ruộng cho Nhà nước và khuyến khích bỏ vốn vào kinh doanh công thương nghiệp.

- Xét đặc điểm từng giai cấp, cách mạng Việt Nam lúc này phải đoàn kết toàn dân tộc bao gồm: công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc, địa chủ yêu nước và tiến bộ, trong đó công nhân đóng vai trò lãnh đạo, công nông là nền tảng cách mạng. Số còn lại: đại địa chủ phong kiến, tư sản mại bản và Việt gian là kẻ thù. Để tập hợp lực lượng cần thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất với chủ trương đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân, không phân biệt dân tộc, giai cấp, tôn giáo và đảng phái chính trị. Mặt trận đó phải dựa trên khối liên minh công nông và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Về quan hệ quốc tế, cách mạng Việt Nam trước hết đoàn kết với Liên Xô, Trung Quốc cùng các nước XHCN và phong trào GPDT. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của phong trào hoà bình, dân chủ và CNXH thế giới. Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam được thế giới ủng hộ nhiệt liệt. Mặt khác dân tộc Việt Nam có nghĩa vụ rất lớn đối với thế giới. Trong khi bảo vệ tự do, độc lập của mình, dân tộc Việt Nam góp phần bảo vệ hoà bình, dân chủ thế giới và phát triển chế độ DCND ở Đông Nam Á; phối hợp với phong trào hoà bình thế giới, đặc biệt là cuộc phản chiến của nhân dân Pháp. Đặt trong bối cảnh của thời đại cách mạng, Việt Nam có nhiều thuận lợi để phát

triển. Muốn kháng chiến thắng lợi phải tranh thủ ngoại viện, nhưng tự lực cánh sinh là chính.

- Cuộc CMDTDCND được tiến hành bằng hình thức chiến tranh mà phương hướng chiến lược là toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính. Cuộc kháng chiến trải qua ba giai đoạn: phòng ngự, cầm cự và tổng phản công.

- Vừa kháng chiến vừa củng cố và phát triển chế độ cộng hoà DCND. Trước hết phải củng cố Nhà nước nhân dân mới thành lập, củng cố cơ sở của chính quyền nhân dân là mặt trận dân tộc thống nhất phân đế. Chính quyền cách mạng là của nhân dân, liên hệ mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân và được nhân dân ủng hộ. Nội dung của chính quyền nhân dân là nhân dân dân chủ chuyên chính. Nguyên tắc hoạt động là tập trung dân chủ. Thực hiện đúng mức việc nhân dân phê bình, kiểm soát chính quyền. Thực hiện việc phối hợp kiểm tra của chính phủ từ trên xuống với việc kiểm tra của nhân dân từ dưới lên. Phải củng cố quân đội nhân dân và công an nhân dân, phát triển kinh tế nhiều thành phần, phát triển văn hoá theo ba tính chất: dân tộc, khoa học, đại chúng. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong các cơ quan chính quyền. Riêng vấn đề phát triển kinh tế, Đại hội nêu rõ cần phát triển lực lượng sản xuất, kinh tế DCND là kinh tế của thời kỳ quá độ tiến lên CNXH. "Kinh tế dân chủ nhân dân Việt Nam gồm có những bộ phận như sau: bộ phận kinh tế nhà nước gồm những xí nghiệp do Nhà nước kinh doanh; bộ phận hợp tác xã gồm những tổ chức kinh tế do hợp tác xã kinh doanh; bộ phận kinh tế nhỏ tức kinh tế của nông dân, tiểu thương, tiểu chủ; bộ phận kinh tế tư bản tư nhân gồm những xí nghiệp của tư sản dân tộc. Ngoài ra, còn bộ phận tư bản nhà nước gồm những xí nghiệp do tư bản tư nhân cùng chung vốn với Nhà nước kinh doanh, hoặc các xí nghiệp và tài nguyên của Nhà nước nhượng cho tư nhân kinh doanh có điều kiện.

Kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác xã hợp thành bộ phận xã hội hóa và phải đóng một vai trò quyết định trong nền kinh tế quốc gia.

Xây dựng kinh tế dân chủ nhân dân Việt Nam, tức là trước hết phát triển kinh tế kháng chiến để thắng quân địch, làm cho nước Việt Nam từ trình độ một nước nông nghiệp trở thành một nước kỹ nghệ và tạo điều kiện để xây dựng nền móng cho chủ nghĩa xã hội sau này"¹⁰.

"Vi trình độ phát triển kinh tế nước ta còn thấp, nên thời kì quá độ lên CNXH không thể ngắn. Kinh tế tư nhân nước ta còn tồn tại và phát triển trong một thời gian lâu dài"¹¹.

Từ CMDTDCND tiến lên CNXH, Đại hội còn nêu: "Con đường từ nay đến CNXH là một con đường khó khăn và dài. Không thể dạng chân ra mà bước một bước không lỏ để đến ngay CNXH. Phải bước nhiều bước chia thành nhiều độ mà đi"¹².

- Về vấn đề xây dựng Đảng, trước hết đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam. Đảng Lao động Việt Nam là từ Đảng bộ của ĐCS Đông Dương tách ra. Mỗi nước Đông Dương sẽ có đảng riêng để trực tiếp lãnh đạo công cuộc GPDT nước mình. Lấy tên là Đảng Lao động để phù hợp với bản chất giai cấp công nhân của Đảng: "Đảng Lao động Việt Nam là đội tiên phong và bộ tham mưu của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Nhưng về thực chất nó là một chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam". "Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam..."¹³. Đảng Lao động Việt Nam có đủ những điều kiện cốt yếu của Đảng vô sản kiểu mới vì nó lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, lấy dân chủ tập trung làm nguyên tắc tổ chức, lấy phê bình và tự phê bình làm quy luật phát triển, v.v. Đại hội chủ trương xây dựng Đảng về tư tưởng, chính trị và tổ chức theo nguyên lý chung phù hợp với đặc điểm của Đảng ta.

Đại hội II của Đảng đã phát triển đến mức cao nhất đường lối CMDTDCND. Có thể coi đây là bước hoàn chỉnh đường lối cả nội dung và phương pháp luận.

Về nội dung, Đại hội đã trình bày một hệ thống đầy đủ những vấn đề chiến lược và phương pháp cách mạng của CMDTDCND: tính chất cách mạng; mục tiêu và nhiệm vụ cách mạng, đặc biệt là giải quyết quan hệ chống đế quốc và phong kiến; lực lượng cách mạng; quan hệ quốc tế; phương thức thực hiện vừa kháng chiến vừa xây dựng chế độ DCND để tiến tới CNXH; vai trò lãnh đạo của Đảng và xây dựng Đảng. Vấn đề nào cũng được lý giải rõ ràng, luận chứng chặt chẽ dựa trên quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và sát với đặc điểm xã hội Việt Nam. Đó là sự phát triển sáng tạo lý luận về cách mạng thuộc địa. Đảng ta cho rằng: CMDTDCND bao gồm cách mạng GPDT và cách mạng DCND, mỗi hình thức cách mạng có nhiệm vụ trọng tâm khác nhau, nhưng đều thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ cơ bản là chống đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và dân chủ, chủ yếu của mục tiêu dân chủ là ruộng đất của nông dân. Vấn đề cải cách ruộng đất cũng quan niệm phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Quan hệ giữa dân tộc và dân chủ, chống đế quốc và chống phong kiến; quan hệ về ba nước Đông Dương; quan hệ Việt Nam với quốc tế; quan hệ Đảng, giai cấp, nhân dân lao động và dân tộc được giải quyết thoả đáng, sâu sắc.

Việc xây dựng chế độ DCND trên các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế, lịch sử kiểm nghiệm cho đến nay đã chứng minh sức nhìn sáng suốt của Đại hội II. Đó là vấn đề phát triển nền kinh tế nhiều thành phần và sự tồn tại lâu dài của kinh tế tư nhân.

Vấn đề xây dựng Đảng, chính quyền và mặt trận cũng đều được nhận thức trên cơ sở kết hợp lý luận với thực tiễn, bảo đảm tính giai cấp và dân tộc. Kết hợp yếu tố giai cấp và dân tộc thể hiện ngay trong xác định bản chất của hệ thống chính trị.

Về phương pháp luận, Đại hội đã xem xét các sự kiện và hiện tượng xã hội từ rộng đến hẹp, từ xa đến gần, từ hiện tượng đến bản chất để từ đó rút ra xu

thế vận động, quy luật phát triển, dự kiến các khả năng và xác định vị thế của Việt Nam trong bối cảnh chung. Nhờ đó, với thái độ bình tĩnh, tự tin Đại hội II của Đảng, đưa ra giải pháp khoa học dù biết thử thách gay gắt trong hiện tại và nặng nề trong tương lai.

Từ phân tích tình hình thế giới và trong nước đi đến nhận thức mâu thuẫn thời đại, mâu thuẫn xã hội Việt Nam để thấy cách mạng Việt Nam gắn với xu thế phát triển của thời đại, gắn với sức mạnh của cách mạng và phong trào hoà bình dân chủ thế giới. Một nhận định sáng suốt được nêu ra về vị trí và sứ mệnh của cách mạng Việt Nam: lịch sử đã giao phó cho giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam nhiệm vụ giữ vững một tiền đồn của mặt trận hoà bình dân chủ chống đế quốc. Các nước đế quốc cũng coi Việt Nam như một vị trí chiến lược trên phòng tuyến chống dân chủ. Giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam quyết không phụ lòng tin cậy của nhân dân thế giới.

Từ phân tích âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù, so sánh lực lượng địch và ta, Đại hội đã dự báo trước âm mưu của đế quốc Mỹ: đối với Việt Nam, kẻ thù chính trước mắt là đế quốc Pháp, song kẻ thù nguy hiểm là đế quốc Mỹ. Đế quốc Mỹ đang dự định nhảy vào thay chân đế quốc Pháp, muốn biến nước ta thành căn cứ quân sự để chuẩn bị Chiến tranh thế giới thứ III, chuẩn bị tấn công Trung Quốc và Liên Xô. Chúng ta phải đánh đổ tư tưởng sợ Mỹ, nhờ Mỹ. Kháng chiến thành công rồi phải củng cố quốc phòng, sẵn sàng tiêu diệt đế quốc xâm lược bất cứ từ đâu tới.

Đặt Việt Nam trong không gian mở rộng, trong thời gian nối dài để có những dự báo và đưa ra phương hướng, chủ trương đúng đắn là kết quả của phương pháp luận khoa học chuẩn mực, chính xác.

Vấn đề nổi bật trong việc giải quyết đường lối CMDTDCND là Đảng ta xem xét các mối quan hệ

(xem tiếp trang 23)

huy sức mạnh toàn dân, dựa vào thực lực thì sẽ vượt qua thử thách, từng bước cải thiện quan hệ đối ngoại, mở đường đi tới thắng lợi cuối cùng.

Kinh nghiệm này đã được thể nghiệm trong suốt 60 năm qua với những thành công và hạn chế, đến nay vẫn giữ nguyên giá trị sống động trong tiến trình hội nhập quốc tế của nước nhà.

Chú thích:

1. Serge Berstein - Pierre Milza: *Histoire de l'Europe contemporaine. Le XX^e siècle. De 1919 à nos jours*, Nxb. Hatier, Paris, 1993, tr.185

2. Michel Beau: *Lịch sử CNTB từ 1500 đến 2000*, Nxb. Thế giới, TP. Hồ Chí Minh, 2000.

3. Xem: André Fontaine: *Histoire de la Guerre froide. De la révolution d'Octobre à la guerre de Corée*, Nxb. Fayard, Paris, 1986.

4, 6. Philippe Devillers: *Paris - Saigon - Hanoi*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, 1993, tr.24-25, 131.

5. Xem: Nguyễn Đình Bìn (chủ biên): *Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000*, CTQG, H. 2002, tr.33.

7, 8, 15. L.A.Patti: *Tại sao Vietnam?* Nxb. Đà Nẵng, 1995, tr. 380, 368, 189-192.

9, 12. Xem: *Chính đạo: Việt Nam niên biểu 1939-1975*. Tập I A 1930-1946, Nxb. Văn hoá, Houston, 1996, tr. 253, 268.

10. J.S. Bowman (chủ biên): *The World Almanach of the Vietnam War*, A Bison books, New York 1985, tr.15.

11. Jean Sainteny: *Câu chuyện về một nền hòa bình bị bỏ lỡ*, Nxb. CAND, H. 2003, tr. 92.

13. Xem: Kinh C. Cheng: *Vietnam and China 1938-1954*, Princeton University Press, Princeton, 1969, tr.141-142; Ellen J.Hammer: *The struggle for Indochina 1940-1955*, Stanford University Press, California, 1967, tr.146-147; *Chính đạo: Sđđ*, tr. 311.

14. Bukhapkin: *Kremli và Hồ Chí Minh*, Tạp chí Xưa & Nay, số 55 năm 1998, tr. 4.

16, 17. Xem: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H. 2000, T.7, tr.427; T 8, tr. 56.

Quá trình hình thành và hoàn chỉnh....

(Tiếp theo trang 31)

trong từng cặp, trong từng chuỗi các phạm trù chính trị xã hội, trong tổng thể những quan hệ đó. Đồng thời đưa ra những luận chứng có sức thuyết phục, xem xét từng góc cạnh để ngăn ngừa những nhận thức không đúng, chỉ dẫn thận trọng những điều cần nắm vững... Cuối cùng là dẫn đến niềm tin vững chắc vào sự nghiệp cách mạng. Bao trùm lên tất cả những vấn đề đó là phương pháp vận dụng lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào đặc điểm xã hội và con người Việt Nam một cách thích hợp. Đây là vấn đề cơ bản của phương pháp luận đường lối.

Nói một cách tổng quát là phép biện chứng duy vật cùng với kinh nghiệm tư duy đã tích lũy được, Đảng ta tạo nên phương pháp luận sắc bén để có đường lối CMDTDCND đúng đắn và sáng tạo tại Đại hội II của Đảng, năm 1951.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (1960) đã thừa nhận: "... từ Đại hội lần thứ hai đến nay, đường lối của Đảng và sự lãnh đạo của Ban chấp hành Trung ương do đồng chí Hồ Chí Minh đứng đầu là đúng"¹⁴.

(còn nữa)

Chú thích:

1. *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 1998, T.2, tr. 93 - 94.

2. *Sđđ*, T.5, tr. 203 - 204.

3, 5. *Sđđ*, T.6, tr. 74, 536.

4, 8, 9, 10, 11, 12, 13. *Sđđ*, T.12, tr. 15, 131-132, 106-107, 108, 91, 159, 160.

6. *Sđđ*, T.7, tr. 113.

7. *Sđđ*, T.8, tr. 26.

14. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ ba của Đảng lao động Việt Nam: *Văn kiện Đại hội*, Ban chấp hành Trung ương Đảng lao động Việt Nam, 1960, T.1, tr. 173.